

**NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ ĐÀO TẠO,
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KINH TẾ BIỂN
TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII**

PGS, TS Trần Đăng Bộ - Trường Đại học Thành Đông

TÓM TẮT

Phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với chuẩn mực quốc tế là một hoạt động phức tạp, đa ngành, đòi hỏi nguồn nhân lực kinh tế biển phải được đào tạo dưới nhiều hình thức và trình độ khác nhau để có tay nghề, chuyên môn phù hợp với yêu cầu của hoạt động kinh tế biển. Điều đó có nghĩa, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển là yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển bền vững kinh tế biển cũng như quá trình quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và bảo vệ môi trường biển. Nhận thức rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự phát triển bền vững kinh tế biển, Đại hội lần thứ XIII của Đảng (sau đây gọi tắt là Đại hội XIII) chủ trương “Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển, nhất là nhân lực chất lượng cao”¹. Đây không chỉ là nhận thức mới, mà còn là một đóng góp lý luận quan trọng của Đại hội XIII về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thời kỳ đổi mới. Vậy nhận thức mới và đóng góp lý luận đó như thế nào, bài viết này sẽ góp phần làm rõ.

Từ khóa: Kinh tế biển; Nguồn nhân lực kinh tế biển; Phát triển bền vững kinh tế biển.

ABSTRACT

Sustainable development of the marine economy in accordance with international standards is a complex, multi-sectoral activity that requires marine economic human resources to be trained in different forms and levels to be skilled, expertise in line with the requirements of marine economic activities. That means training and developing marine economic human resources is the core factor determining the sustainable development of the marine economy as well as the process of managing, exploiting and using marine resources and protecting sea environment. Well aware of the position, role and importance of human resources for the sustainable development of the marine economy, the 13th Party Congress advocated "Promoting human resource training for the marine economy, especially high-quality human resources". This is not only a new perception, but also an important theoretical contribution of the XIII Congress on training and developing human resources in the renovation period. Thus, this article will help clarify how the new perception and its contribution are.

Keywords: Marine economy; Marine economic human resources; Sustainable development of marine economy.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2021, Tập I, tr.231.

Để thực hiện tốt *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển*, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển trong bối cảnh Việt Nam ngày càng tăng cường đối ngoại và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về biển với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên cơ sở pháp luật quốc tế về biển, thì vấn đề quản lý, phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với chuẩn mực quốc tế sẽ khó khăn, phức tạp hơn. Thực tiễn này đòi hỏi nguồn nhân lực biển, trong đó có nguồn nhân lực kinh tế biển, phải được đào tạo, phát triển để người lao động có kiến thức, tay nghề, năng lực, chuyên môn phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh tế biển. Điều đó có nghĩa, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển là yếu tố quyết định đối với phát triển bền vững kinh tế biển và quá trình quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển. Đặc biệt, trước yêu cầu “phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển”², thì đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển, nhất là nguồn nhân lực kinh tế biển chất lượng cao càng trở nên cần thiết, cấp bách hơn. Vì vậy có thể khẳng định, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển, không chỉ là bước phát triển nhận thức về đào tạo, phát triển nguồn

nhân lực nói chung, mà còn là một đóng góp lý luận quan trọng của Đại hội XIII về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thời kỳ đổi mới. Để khẳng định, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển là bước phát triển nhận thức về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, một đóng góp lý luận của Đại hội XIII về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thời kỳ đổi mới, cần làm rõ mấy vấn đề sau:

1. *Về một số thuật ngữ: Nguồn nhân lực biển; Nguồn nhân lực kinh tế; Nguồn nhân lực kinh tế biển.*

Nguồn nhân lực biển: Nghị quyết 09-NQ/TW Hội nghị Trung ương 4 khóa X về *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020* đã đề ra mục tiêu xây dựng, phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh. Với nội hàm mục tiêu như vậy, thì hoạt động thuộc các lĩnh vực mà Nghị quyết 09-NQ/TW đề cập như: kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh sẽ được tiến hành trên biển, đảo và ven biển, hoặc liên quan đến biển, đảo và ven biển. Để hiện thực hóa mục tiêu này, đòi hỏi Việt Nam phải có tiềm lực kinh tế mạnh với nguồn lực dồi dào, trong đó nguồn nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất, giữ vai trò quyết định. Các ngành kinh tế trên đây được tiến hành trên biển, đảo và ven biển, hoặc liên quan đến biển, đảo và ven biển, đòi hỏi phải có nguồn nhân lực tương ứng. Nguồn nhân lực tiến hành các hoạt động kinh tế hay phi kinh tế diễn ra trên biển, đảo và ven biển, đảo hoặc liên quan đến biển, đảo và ven biển được

² Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

gọi chung là nguồn nhân lực biển. Như vậy, nguồn nhân lực biển là một bộ phận cấu thành nguồn nhân lực xã hội, bao gồm nguồn nhân lực tham gia trực tiếp hay gián tiếp các hoạt động diễn ra trên biển, đảo và ven biển, hoặc liên quan đến biển, đảo và ven biển thuộc chủ quyền quốc gia Việt Nam.

Nguồn nhân lực kinh tế: Kinh tế là một trong những hoạt động căn bản, quan trọng nhằm tạo ra cơ sở vật chất và tinh thần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của con người và xã hội. Cũng như nhiều hoạt động khác trong đời sống xã hội, hoạt động kinh tế do một lực lượng lao động chuyên sâu, có trình độ đào tạo phù hợp với yêu cầu của các hoạt động kinh tế cụ thể tiến hành. Như vậy, chủ thể của hoạt động kinh tế là con người; khách thể của hoạt động kinh tế là tất cả những gì mà hoạt động kinh tế tác động vào, qua đó tạo ra sản phẩm thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người. Nói cách khác, hoạt động kinh tế do một bộ phận nguồn nhân lực xã hội có trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu của các hoạt động kinh tế tiến hành, đó là nguồn nhân lực kinh tế. Với cách tiếp cận như vậy, có thể hiểu: *Nguồn nhân lực kinh tế* là một bộ phận cấu thành nguồn nhân lực xã hội, bao gồm nguồn nhân lực tham gia trực tiếp hay gián tiếp các hoạt động kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế.

Nguồn nhân lực kinh tế biển: Hoạt động kinh tế biển là một loại hình hoạt động kinh tế đặc thù diễn ra trên các vùng biển và ven biển, nên nguồn nhân lực tiến hành các hoạt động kinh tế biển còn được gọi là nguồn nhân lực kinh tế

biển. Ở Việt Nam, kinh tế biển là một lĩnh vực đa ngành, đa lĩnh vực, liên quan đến nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau và được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau: Du lịch và dịch vụ biển; Kinh tế hàng hải; Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; Nuôi trồng và khai thác hải sản; Công nghiệp ven biển; Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới³. Với logic tiếp cận nghiên cứu nguồn nhân lực như vậy, nên mặc dù văn kiện Đại hội XIII sử dụng thuật ngữ *nguồn nhân lực cho kinh tế biển*, song thực chất đây là sự diễn đạt khác về nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế biển. Theo đó, kinh tế biển là một ngành kinh tế trong nền kinh tế quốc dân, chỉ khác ở tính đa ngành, đa lĩnh vực của ngành kinh tế này, nên cũng như các ngành kinh tế khác, nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành kinh tế biển được gọi là *nguồn nhân lực cho kinh tế biển* hay *nguồn nhân lực kinh tế biển*. Để thuận tiện, thống nhất cho việc nghiên cứu, bài viết này nhất quán sử dụng thuật ngữ *nguồn nhân lực kinh tế biển*. Theo đó, *nguồn nhân lực kinh tế biển* là một bộ phận cấu thành nguồn nhân lực biển, bao gồm nguồn nhân lực có trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh tế biển, tham gia trực tiếp hay gián tiếp các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, đảo và ven biển, hoặc liên quan đến biển, đảo và ven biển.

³ Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. *Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển trong văn kiện Đại hội VIII không chỉ là sự kế thừa, bổ sung, phát triển, cụ thể hóa, mà còn thể hiện sự nhất quán quan điểm, chủ trương đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới.*

Trong thời kỳ đổi mới, nhất là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã nhận thức rõ và đánh giá đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nguồn nhân lực. Đảng ta cho rằng, “con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”⁴, “là nguồn lực quan trọng nhất”⁵ trong các nguồn lực phát triển. Tuy nhiên, nguồn nhân lực Việt Nam còn hạn chế về thể lực, kiến thức, tay nghề, thói quen sản xuất lạc hậu. Để nguồn nhân lực và nhân tố con người Việt Nam thật sự trở thành tiềm năng, thế mạnh của đất nước, Đảng ta thực hiện “chính sách giáo dục và đào tạo hướng vào bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài; xây dựng đội ngũ trí thức, nhà kinh doanh, người quản lý, chuyên gia công nghệ và công nhân lành nghề đảm đương nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị tốt cho đất nước và thế hệ trẻ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI”⁶. Các chủ trương, chính

sách này đã góp phần từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Nhất quán chủ trương đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Đại hội VII, tại Đại hội VIII Đảng ta nhấn mạnh “cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”⁷. Để chuẩn bị tiền đề vững chắc, nhất là nguồn nhân lực, cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, Đại hội VIII xác định, giai đoạn 1996-2000 thực hiện đồng thời 3 mục tiêu về kinh tế, trong đó “*chủ yếu* là phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, hoàn thiện thể chế”⁸, trước mắt tập trung “đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”⁹. Thực hiện chủ trương này, ngân sách nhà nước vừa phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm chi tiêu dùng thường xuyên ở mức cần thiết hợp lý, tiết kiệm; vừa “ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí...”¹⁰. Nhờ những chủ trương, chính sách này mà “trình độ dân trí, chất

IX, X), Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.508.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.764.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.697.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.847.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.872.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.141.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.470.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII,

lượng nguồn nhân lực và tính năng động trong xã hội được nâng lên đáng kể”¹¹. Tuy nhiên, so với yêu cầu sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thì “Chất lượng nguồn nhân lực thấp, lao động chưa qua đào tạo vẫn là phổ biến, lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao”¹².

Để nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đại hội IX xác định “Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ”¹³ là một trong ba lĩnh vực then chốt cần tập trung sức đột phá để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội. Chính sách đột phá vào lĩnh vực then chốt này, đó là “Tăng cường đầu tư vào phát triển con người thông qua phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Đảm bảo nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công nghiệp hoá, hiện đại hoá”¹⁴. Kế thừa thành tựu phát triển nguồn nhân lực, Đại hội X thực hiện chủ trương “tăng tỷ trọng ngân sách đầu tư cho phát triển nguồn nhân

lực...”¹⁵ nhằm “phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; nhanh chóng xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, dân tộc, vùng miền...”¹⁶.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, nhận thức của Đảng về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đã có sự phát triển mới. Theo đó, Đảng ta luôn nhất quán quan điểm coi con người là trung tâm của sự phát triển, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tại Đại hội XI, Đảng ta cho rằng: “Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước”¹⁷. Trên cơ sở nhận thức về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, chủ trương của Đảng là: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”¹⁸. Xuất phát từ vai trò,

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.107.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.306.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.157.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.231.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.426.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.328.

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.37.

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.96.

tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao, mà nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao được xác định là một trong ba đột phá chiến lược giai đoạn 2011-2020. Nhằm luật hóa chủ trương Đại hội XI về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, ngày 21/6/2012 Quốc hội khóa VIII ban hành *Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13*, trong đó “Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực biển”¹⁹ được xác định là một trong sáu ngành kinh tế biển mà Nhà nước ưu tiên tập trung phát triển. Như vậy, Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 là văn bản quy phạm pháp luật cấp nhà nước đầu tiên có giá trị pháp lý cao nhất đề cập trực tiếp đến thuật ngữ *nguồn nhân lực biển*. Từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW và Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 “công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành nghề liên quan đến biển và đại dương đã đi đúng hướng”²⁰.

Để tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, Đại hội XII chủ trương “lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ

yếu...”²¹. Như vậy, đến Đại hội XII, nguồn nhân lực chất lượng cao cùng với khoa học, công nghệ và tri thức, đã trở thành động lực chủ yếu để tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để phát huy vai trò động lực chủ yếu của nguồn nhân lực chất lượng cao, thì đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục được xác định là một trong ba đột phá chiến lược và là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện có hiệu quả trong nhiệm kỳ Đại hội XII. Với nhiệm vụ này phải tiến hành “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành”²².

Từ thực tiễn đào tạo, phát triển nguồn nhân lực qua các kỳ Đại hội trong thời kỳ đổi mới có thể khẳng định, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là một chủ trương lớn, quan trọng, được nêu ra từ Đại hội VII và được thực hiện xuyên suốt, nhất quán từ đó đến nay. Qua đó cho thấy, quan điểm, chủ trương đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển trong văn kiện Đại hội XIII không chỉ là sự kế thừa, phát triển,

¹⁹ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21/6/2012, khoản 6 Điều 43.

²⁰ Hoàng Nam, 10 năm thực hiện Chiến lược biển Việt Nam, *Bài 3: Tập trung phát triển nguồn nhân lực biển*, <https://baotintuc.vn/kinh-te-bien-dao/10-nam-thuc-hien-chien-luoc-bien-viet-nam-bai-1-no-luc-tro-thanh-quoc-gia-manh-tu-bien-20181001070652312.htm>, ngày 03/10/2018.

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.90.

²² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.116.

cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới, mà còn thể hiện sự nhất quán trong tổ chức thực hiện các quan điểm, chủ trương này phù hợp với từng giai đoạn.

3. *Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển, nhất là nguồn nhân lực kinh tế biển chất lượng cao là bước phát triển mới về nhận thức, một đóng góp lý luận của Đại hội XIII về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thời kỳ đổi mới.* Những nội dung mới trong văn kiện Đại hội XIII thể hiện bước phát triển về nhận thức, một đóng góp lý luận của Đại hội XIII về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thời kỳ đổi mới được thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc từ Đại hội VII đến Đại hội XII và Chỉ thị, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa đề cập đến đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực kinh tế biển chất lượng cao.

Triển khai nghị quyết Đại hội VII về phát triển kinh tế biển, ngày 06/05/1993 Bộ Chính trị khóa VII ra Nghị quyết số 03-NQ/TW về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt. Đây là văn kiện đầu tiên của Đảng trong thời kỳ đổi mới chủ trương phát triển kinh tế biển. Nghị quyết số 03-NQ/TW chỉ rõ, do vị trí và đặc điểm địa lý cùng với bối cảnh phức tạp ở khu vực biển Đông đòi hỏi phải “đẩy mạnh phát triển kinh tế biển đi đôi với tăng

cường khả năng bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái biển, phấn đấu trở thành một nước mạnh về kinh tế biển”²³. Xây dựng Việt Nam mạnh về biển, phát triển kinh tế biển thành ngành kinh tế mũi nhọn “là một mục tiêu chiến lược, đồng thời là nhiệm vụ bức bách đang đặt ra cho dân tộc ta trước thách thức lớn trên biển Đông”²⁴. Tuy nhiên, yếu tố giữ vai trò quyết định đến phát triển bền vững kinh tế biển là đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển chỉ được đề cập gián tiếp ở Nghị quyết số 03-NQ/TW. Theo đó nội dung nghị quyết ghi: “Tăng cường đào tạo cán bộ cho các ngành kinh tế biển và nghiên cứu khoa học về biển; chú trọng nâng cao kiến thức về luật pháp, kinh tế và quản lý biển”²⁵. Mặc dù *đào tạo cán bộ cho các ngành kinh tế biển và nghiên cứu khoa học về biển* mà Nghị quyết số 03-NQ/TW nêu, có thể hiểu là nguồn nhân lực biển và nguồn nhân lực kinh tế biển, nhưng đó là cách nói gián tiếp về nguồn nhân lực kinh tế biển. Như vậy, đến tháng 05/1993, khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW, chưa có văn kiện Đảng trực tiếp đề cập đến vấn đề đào tạo, phát

²³ Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 6/5/1993 của Bộ Chính trị khóa VII về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt.

²⁴ Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 6/5/1993 của Bộ Chính trị khóa VII về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt.

²⁵ Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 6/5/1993 của Bộ Chính trị khóa VII về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt.

triển nguồn nhân lực biển cũng như nguồn nhân lực kinh tế biển.

Để triển khai Nghị quyết Đại hội VIII về phát triển kinh tế biển, ngày 22/09/1997 Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mặc dù Chỉ thị số 20-CT/TW không đề cập đến nguồn nhân lực biển hay nguồn nhân lực kinh tế biển, nhưng vấn đề đào tạo nguồn nhân lực nói chung đã được khái quát khá cụ thể, sát với nguồn nhân lực biển và nguồn nhân lực kinh tế biển. Theo đó, một trong những chính sách và giải pháp phát triển kinh tế biển là: “Đầu tư để phổ cập văn hoá cấp 2 bằng nhiều hình thức cho nhân dân vùng ven biển và hải đảo. Đào tạo đồng bộ đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề cho các ngành kinh tế biển. Có chính sách phù hợp với thuyền viên, thủy thủ, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ giáo dục, y tế, lực lượng vũ trang công tác tại vùng biển xa”²⁶.

Đặc biệt, ngày 09/02/2007 Hội nghị Trung ương 4 Khóa X ra Nghị quyết số 09-NQ/TW về *Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020*. Nghị quyết số 09-NQ/TW xác định quan điểm định hướng Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Đồng thời, không chỉ làm rõ tiềm năng, thế mạnh từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu hợp lý, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn, mà còn đề cập đến

đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về biển. Tuy không diễn đạt là nguồn nhân lực biển, song từ thực tiễn nghiên cứu có thể khẳng định, Nghị quyết số 09-NQ/TW là văn kiện đảng đầu tiên đề cập đến thuật ngữ *nguồn nhân lực biển và nguồn nhân lực kinh tế biển*. Sau gần 15 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW “các bộ, ngành, địa phương đã chú trọng phát triển nguồn nhân lực các ngành, lĩnh vực về biển như dầu khí, hàng hải, hải sản, du lịch...; xây dựng các cơ sở đào tạo, nghiên cứu ngành, nghề về biển (viện, đại học, cao đẳng, dạy nghề) dọc các thành phố biển; các cơ sở giáo dục, y tế, nhà công vụ cho cán bộ quản lý giáo dục, y tế, giáo viên tại các vùng bãi ngang, ven biển, đảo”²⁷.

Tiếp tục hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XII về phát triển kinh tế biển, ngày 22/10/2018 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Với mục tiêu trở thành quốc gia biển mạnh, đạt cơ bản tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển, kinh tế biển đóng góp quan trọng vào phát triển, phải kiên trì, nhất quán: “Lấy khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nhân tố đột phá”²⁸. Trong đó, khâu đột phá chiến

²⁶ Ban Chấp hành Trung ương, Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 22/09/1997 của Bộ Chính trị khóa VIII về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

²⁷ Hoàng Nam, 10 năm thực hiện Chiến lược biển Việt Nam, *Bài 3: Tập trung phát triển nguồn nhân lực biển*, <https://baotintuc.vn/kinh-te-bien-dao/10-nam-thuc-hien-chien-luoc-bien-viet-nam-bai-1-no-luc-tro-thanh-quoc-gia-manh-tu-bien-20181001070652312.htm>, ngày 03/10/2018.

²⁸ Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị Trung ương 8

lược là “Phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, tận dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, khoa học, công nghệ mới, thu hút chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu, nhân lực chất lượng cao”²⁹. Và “Phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường; có cơ chế, chính sách đặc biệt thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia đạt trình độ quốc tế, có chuyên môn sâu về biển và đại dương”³⁰ là một trong những giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện.

Từ kết quả nghiên cứu văn kiện từ Đại hội VII đến Đại hội XII có thể khẳng định, vấn đề đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nói chung, nguồn nhân lực biển và phát triển bền vững kinh tế biển nói riêng đã được đề cập khá toàn diện, logic và hệ thống ở một số văn kiện, nhưng chưa có văn kiện nào đề cập đến đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển, nhất là nguồn nhân lực kinh tế biển chất lượng cao.

Hai là, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong văn kiện Đại hội XIII là sự kế thừa, bổ sung, phát triển, cụ thể hoá chủ trương, chính sách đào tạo,

phát triển nguồn nhân lực của các kỳ Đại hội thời kỳ đổi mới cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, Đại hội XIII tiếp tục kiên trì, nhất quán chủ trương: “khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao là nền tảng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”³¹ là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2021-2025. Đại hội XIII nhấn mạnh, ba đột phá chiến lược do Đại hội XI, XII xác định còn nguyên giá trị, có ý nghĩa, giá trị lâu dài và sẽ được cụ thể hoá phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Trong đó, “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt...”³² là một trong ba đột phá chiến lược cần thực hiện có hiệu quả ở nhiệm kỳ Đại hội XIII. Với vai trò của nguồn nhân lực như vậy, nên Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 xác định: “Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước”³³ là một trong các đột phá chiến lược đến năm 2030; Đồng thời “Đẩy mạnh phát triển nguồn

khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

²⁹ Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

³⁰ Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập I, tr.43.

³² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập I, tr.203, 204.

³³ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập I, tr.221.

nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”³⁴. Để hiện thực hóa đột phá này, thì thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Từ chủ trương, chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong văn kiện Đại hội XIII cho thấy, chủ trương, chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của các kỳ Đại hội thời kỳ đổi mới đã được Đại hội XIII kế thừa, tiếp tục bổ sung, phát triển và cụ thể hoá cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới với những bước phát triển cả về nhận thức và lý luận.

Ba là, văn kiện Đại hội XIII là văn kiện đảng đầu tiên trực tiếp đề cập đến đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển, nhất là nguồn nhân lực kinh tế biển chất lượng cao.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta chủ trương “Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả các ngành kinh tế biển, các khu kinh tế, khu công nghiệp và các đô thị ven biển”³⁵ theo hướng ưu tiên phát triển các ngành kinh tế biển, nhất là các ngành kinh tế biển mới. Tuy nhiên, để phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi

hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo, Đại hội XIII xác định “Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển, nhất là nhân lực chất lượng cao”³⁶ là một trong những nhiệm vụ, giải pháp để hiện thực hóa các khâu đột phá nhằm “đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển”³⁷.

Như vậy, văn kiện Đại hội XIII không chỉ đề cập đến đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nói chung, nguồn nhân lực biển và phát triển bền vững kinh tế biển nói riêng, mà còn đề cập toàn diện, cụ thể đến đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển, nhất là nguồn nhân lực kinh tế biển chất lượng cao. Đây không chỉ là bước phát triển nhận thức về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nói chung, mà còn là một đóng góp lý luận quan trọng của Đại hội XIII về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thời kỳ đổi mới. Bước phát triển nhận thức của Đại hội XIII về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển là kết quả từ sự kế thừa, bổ sung, phát triển và vận dụng sáng tạo vấn đề đào tạo, phát triển nguồn nhân lực qua các kỳ Đại hội của Đảng thời kỳ đổi mới cho phù hợp với điều kiện, yêu cầu mới trong giai đoạn phát triển từ nay đến năm 2030 và những năm tiếp theo./.

³⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập I, tr.231.

³⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập I, tr.126.

³⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập I, tr.126.

³⁷ Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương, Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 22/09/1997 của Bộ Chính trị khóa VIII về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 6/5/1993 của Bộ Chính trị khóa VII về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt.
- [3] Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khoá VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.
- 7] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Tập I.